

**CÁC BẰNG CẤP, CHỨNG CHỈ
CỦA GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

Mục lục**Trang**

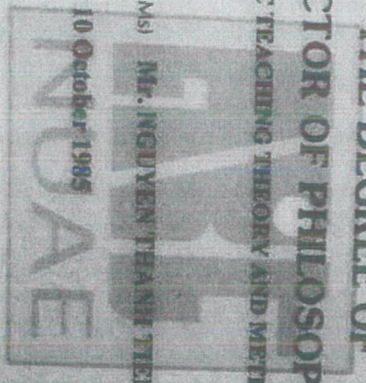
STT	Họ và tên, ngày sinh	Học hàm/ học vị	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Trong Quyển 1 – Phần 3
1	Nguyễn Thanh Tiến	Tiến sĩ	Lý luận và PPDH Âm nhạc	21
2	Nguyễn Văn Thiệu	Thạc sĩ	Văn hóa học	21
3	Đỗ Thị Linh Chi	Thạc sĩ	Văn hóa học	21
4	Phạm Minh Thuỳ	Tiến sĩ	Giáo dục Âm nhạc.	21
5	Lương Ngọc Quỳnh	Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Âm nhạc	21
6	Hồ Thủy Ngân	Thạc sĩ	Múa	21
7	Đỗ Mạnh Hải	Thạc sĩ	Văn hóa học	21
8	Dương Thị Lê	Thạc sĩ	Văn hóa học	21
9	Dương Thu Trang	Thạc sĩ	Lý luận và PPGD Mỹ thuật	21
10	Đào Huyền Trang	Thạc sĩ	Hội họa	21
11	Lê Thị Thu Hương	PGS.TS	Giáo dục học	21
12	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	TS	Lý luận và lịch sử giáo dục	21
13	Trần Thị Kim Hoa	TS	Lý luận và PPDH Bộ môn Văn – Tiếng Việt	21
14	Nguyễn Thị Thu Hằng	TS	Giáo dục học	21

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR
NATIONAL UNIVERSITY OF ARTS EDUCATION

confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
MUSIC TEACHING THEORY AND METHODS



Upon: (Mr, Ms) **MR. NGUYEN THANH TIEN**
Born on: **10 October 1985**

Given under the seal of
National University of Arts Education

Serial number:
Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

cấp

BẰNG TIẾN SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC



Cho: Ông **NGUYỄN THANH TIẾN**
Sinh ngày: **10/10/1985**

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHO HUY TRƯỞNG XUY TRẠCH



Số hiệu: NT 000014 PGS.TS. LA VINH HUU
Số vào sổ cấp bằng: GNTS.1307

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT
OF GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers

THE DEGREE OF MASTER
IN CULTURAL STUDIES

Upon: (Mr, Ms) *Mr. Nguyen Van Thieu*

Born on: 31 December 1980

Given under the seal of

GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

on the twenty - ninth day of March 2012

Serial number:
Reference number: 141

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÀM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

cấp

BẰNG THẠC SĨ
VĂN HÓA HỌC

Cho: Ông *Nguyễn Văn Thieu*

Sinh ngày 31/12/1980

Hà Nội ngày 29 tháng 3 năm 2012

GIÀM ĐỐC



GS.TS.Võ Khánh Vinh

Số hiệu: A 025265
Số vào sổ cấp bằng: 141



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT
THAI NGUYEN UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR
ENGLISH LANGUAGE

Upon: Mr. NGUYEN VAN THIEU

Date of birth: December 31st, 1980

Degree classification: Good

Thai Nguyen, April 18th, 2023

Reg. No: DT/CN/2023/00942

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC
DẠI HỌC THAI NGUYỄN

cấp

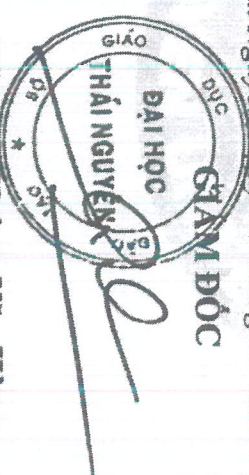
BẰNG CỬ NHÂN
NGÔN NGỮ ANH

Cho: Ông NGUYỄN VĂN THIỆU

Ngày sinh: 31/12/1980

Hạng tốt nghiệp: Khá

Thai Nguyen, ngày 18 tháng 4 năm 2023



PGS.TS. Hoàng Văn Hùng

Số hiệu: DT/CN/06613

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: DT/CN/2023/00942

Scanned with CamScanner

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT

OF GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers

THE DEGREE OF MASTER
IN CULTURAL STUDIES

Upon: (Mr, Ms) *Ms. Đa Thị Linh Chi*

Born on: 03 April 1981

Given under the seal of

GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

on the sixth day of April 2012

Serial number:

Reference number: 156

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

cấp

BẰNG THẠC SĨ
VĂN HÓA HỌC

Cho: Bà *Đã Thị Linh Chi*

Sinh ngày 03/4/1981

Hà Nội ngày 06 tháng 4 năm 2012

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: A 025280

Số vào sổ cấp bằng: 156

GS.TS.Võ Khánh Vinh

BẢN DỊCH

NGHIÊN CỨU SINH TIỀN SĨ
BẢNG TỐT NGHIỆP

Nghiên cứu sinh: **PHẠM MINH THUY**, Nam, quốc tịch:
Việt Nam, ngày sinh 28/12/1978, đã học tập chuyên ngành
Âm nhạc và vũ đạo tại Nhà trường từ tháng 9 năm 2019 đến
tháng 7 năm 2024, theo “Quy định quản lý nghiên cứu sinh
Đại học sư phạm Nam Kinh”, nay công nhận tốt nghiệp.

Hiệu trưởng: (đã ký và đóng dấu)

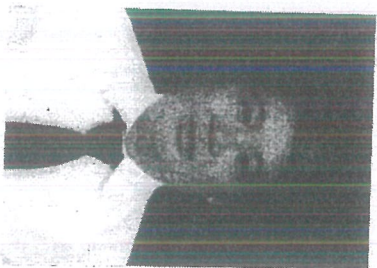
Đại học sư phạm Nam Kinh

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

Số hiệu bảng: 103199202401000010

博士研究生

结业证书



范明陲

Phạm Minh Thủy

越南

男，1978年12月28日生。

于2019年09月至2024年07月

在我校

音乐与舞蹈学

专业学习，

按照《南京师范大学研究生管理规定》，准予结业。

校长：

毕桂宏

证书编号：

103199202401000010

二〇二四

年七月二十五日

南京师范大学



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

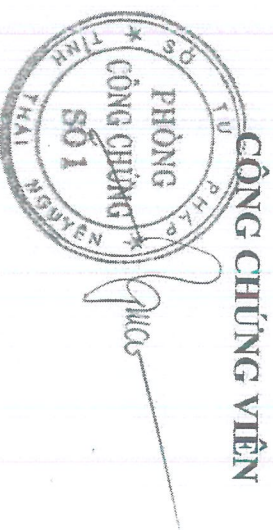
Hôm nay, ngày 09 tháng 8 năm 2024 (bằng chữ: ngày mùng chín tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn) Tại trụ sở Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên (số 7, đường Cách mạng tháng 8, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)

Tôi: Nguyễn Thị Lan Phương công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Phạm Bắc Thanh cộng tác viên phiên dịch của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Phạm Bắc Thanh;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 (ba) bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu 01 bản tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên

Số công chứng: 24/2024, quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/BD.



Nguyễn Thị Lan Phương

CAM KẾT CỦA CỘNG TÁC VIÊN PHIÊN DỊCH

Tôi: **Phạm Bắc Thanh**, cộng tác viên phiên dịch của Phòng Công chúng số 1 tỉnh Thái Nguyên (số 7, đường Cách mạng tháng Tám, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)

Cam đoan đã dịch chính xác, phù hợp với nội dung văn bản này từ tiếng Trung sang tiếng Việt, được chụp đính kèm theo.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI DỊCH

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Bắc Thanh



CHỖ CHỮ
01
AI

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT

NATIONAL UNIVERSITY OF ART EDUCATION

confers

THE DEGREE OF MASTER

IN MUSIC EDUCATION

Upon: Mr. Ms. **MC LƯƠNG NGỌC QUỲNH**

Born on: **April 6, 1982**

Given under the seal of

Associate Professor, Dr.Sc. **Pham Le Hoa**

PRESIDENT

Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

cấp

BẰNG THẠC SĨ

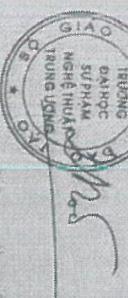
LILUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC

Cho: Ông **LƯƠNG NGỌC QUỲNH**

Sinh ngày **06/4/1982**

Hà Nội ngày 11 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: A 087655

Số vào sổ cấp bằng: **AN34**

PGS.TS.NH. *Phạm Lê Hoa*

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR

OF HANOI ACADEMY OF THEATRE AND CINEMA

confers

THE DEGREE OF MASTER

THEATRE STUDIES

Ungent: *Ms*

Ms HO THUY NGAN

Born on:

9 April 1985 in THAI NGUYEN

Given under the seal of

THE RECTOR

HANOI, 23 APRIL, 2015

Serial number:
Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

cấp

BẰNG THẠC SĨ

NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU

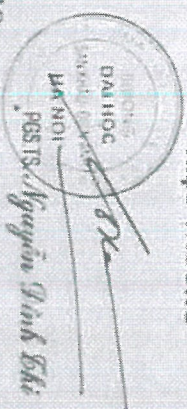
Cho: *Bà*

Bà HỒ THUY NGÂN

Sinh ngày 09-04-1985 tại THAI NGUYEN

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: A 106039

Số vào sổ cấp bằng: 1877

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT
OF GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers

THE DEGREE OF MASTER
IN CULTURAL STUDIES

Upon: (Mr, Ms) *Mr. Do Manh Thai*

Born on: 05 September 1983

Given under the seal of

GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

on the twenty - ninth day of March 2012

Serial number:

Reference number: 127

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

cấp

BẰNG THẠC SĨ
VĂN HÓA HỌC

Cho: Ông *Đỗ Mạnh Thái*

Sinh ngày 05/9/1983

Hà Nội ngày 29 tháng 3 năm 2012

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Võ Khánh Vinh

Số hiệu: A 025251

Số vào sổ cấp bằng: 127

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT
OF GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

confers

THE DEGREE OF MASTER
IN CULTURAL STUDIES

Upon: (Mr, Ms) *Ms. Duong Thi Le*

Born on: 19 September 1968

Given under the seal of

GRADUATE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES
on the twentieth day of October 2011

Serial number:
Reference number: 48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BẰNG THẠC SĨ

VĂN HÓA HỌC

Cho: *Đã: Duong Thi Le*

Sinh ngày 19/9/1968

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2011

GIÁM ĐỐC

Số h. học: 5.01.1.1.5
Số v. h. số cấp bằng: 48



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HANOI COLLEGE OF INDUSTRIAL FINE ARTS

confers

THE DEGREE OF MASTER

THEORY AND HISTORY OF APPLIED FINE ARTS

Uppon the basis

Dương Thu Trang

Born on:

24 May 1989

Carries under the seal of

HANOI COLLEGE OF INDUSTRIAL FINE ARTS

Serial number:
Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU THƯỜNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

BẰNG THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Chức

hiệu *Dương Thu Trang*

Sinh ngày

24/5/1989

At Hanoi, ngày 27 tháng 1 năm 2016

HIỆU THƯỜNG



Số hiệu: A 136157
Số vào sổ cấp bằng: A5/B5/b
KHOA VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR
UNIVERSITY OF SCIENCES
THAI NGUYEN UNIVERSITY
has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR
ENGLISH LANGUAGE

Upon: *Ms. Dao Huyen Trang*

Date of birth: *15 June 1987*

Degree classification: *Good*

Thai Nguyen, 26 May 2023

Keg. No: 0033.VB2CQ.2023
Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
cấp

BẰNG CỬ NHÂN
NGÔN NGỮ ANH

Cho: *Bà Đào Huyền Trang*

Ngày sinh: *15/06/1987*

Hạng tốt nghiệp: *Khí*

Thai Nguyen, ngày 26 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
POSS: *Đào Huyền Trang*
Số hiệu: CN. 05768

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 0033.VB2CQ.2023

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR GENERAL OF

THE VIETNAM INSTITUTE OF EDUCATIONAL SCIENCES

confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

in EDUCATIONAL SCIENCES

(Theory and Methodology of Mathematics Teaching)

Upon: (M/ MS) Ms. *Le Thi Thu Nhung*

Born on: 02/5/1981

Given under the seal of

The Vietnam Institute of Educational Sciences
on 20th October 2012

Serial number: 001273

Reference number: 027

CHỖNG THỰC HẠN SÀO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 16-08-2014

Số chứng thực: 14.03.2014 số 01/SC.TES

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Cấp

BẢNG TIẾN SĨ

KHOA HỌC GIÁO DỤC

(Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán)

Cho: bà *Le Thi Thu Nhung*

Sinh ngày: 02/5/1981

Hà Nội , ngày 20 tháng 10 năm 2012

VIỆN TRƯỞNG

CÔNG CHỨNG VIỆN
Trần Gia Tuấn

GS.TS. Phan Văn Kha

Số hiệu:

001273

Số vào sổ cấp bằng: 027

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSORSHIP

- Pursuant to Decision N° 37/2018/QĐ-TTg dated August 31, 2018 and Decision N° 25/2020/QĐ-TTg dated August 31, 2020 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Decision N° 88/QĐ-HDGSNN dated November 17, 2022 by the Chairman of the State Council for Professorship,

CONFERS

THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

Upon: *Ms. Lê Thị Thu Hương*

Born on: *May 02, 1981*

In: *Lưu Nam, Bắc Giang*

for having met the standards of associate professor title
in: **Education**



Given under the Seal
of the State Council for Professorship

CHỨNG THỰC BẢN SA
DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 30-11-2022
Số chứng thực: 3774/Đ. Nguyên số: 3774/Đ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Bắc



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 và Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-HDGSNN ngày 17/11/2022 của Chủ tịch Hội đồng Giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN

ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Ngành: **Giáo dục học**

Cho: *Bà Lê Thị Thu Hương*

Sinh ngày 02 tháng 05 năm 1981

Quê quán: *Lưu Nam, Bắc Giang*

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Kim Sơn
Bà Trưng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: 6107/PGS

BẢN SAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **388** /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày **06** tháng **02** năm **2023**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 312/BNV-CCVC ngày 01 tháng 02 năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) mã số V.07.01.01 đối với 44 Phó Giáo sư, tiến sĩ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các viên chức có tên trong Danh sách nêu tại Điều 1 được hưởng lương mới kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

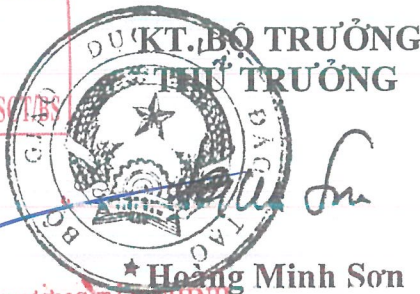
Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Ngày: **10-02-2023**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB (55b).

Số chứng thực: 246.....Quyển số: 1.....SỐ TÀI



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Thanh Nga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ NHẬN VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
GIẢNG VIÊN CAO CẤP**
Kèm theo Quyết định số **388** /QĐ - BGDDT, ngày **06** tháng **02** năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan, đơn vị	Học hàm, học vị	Mã số chức danh nghề nghiệp, mức lương cũ			Mã số chức danh nghề nghiệp, hệ số lương mới			
		Nam	Nữ			Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời điểm tính hưởng	Thời gian tính nâng bậc lương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Bùi Thị Bích Hằng		1976	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/3/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
2	Nguyễn Thị Hồng		1983	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	12/1/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
3	Trần Thanh Miên		1981	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/2/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
4	Nguyễn Thành Quý		1982	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	4,32	01/6/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
5	Trần Sỹ Nam		1982	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/2/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
6	Nguyễn Đình Giang Nam		1979	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	4,32	01/8/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
7	Nguyễn Duy Khang		1979	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
8	Phan Thị Tuyết Vân		1979	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
9	Võ Hồng Tú		1988	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/12/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
10	Đặng Minh Quân		1983	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	3/1/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
11	Trần Nguyễn Phương Lan		1986	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	3,66	01/9/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
12	Nguyễn Chánh Nghiệm		1982	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
13	Huỳnh Trọng Phước		1988	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	3,33	01/7/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm

18

TT	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan, đơn vị	Học hàm, học vị	Mã số chức danh nghề nghiệp, mức lương cũ			Mã số chức danh nghề nghiệp, hệ số lương mới			
		Nam	Nữ			Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời điểm tính hưởng	Thời gian tính nâng bậc lương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	Trần Thị Bích Quyên		1983	Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	3,66	8/1/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
15	Lương Huỳnh Vũ Thanh	1984		Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	3,66	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
16	Lê Tấn Nghiêm	1976		Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	4,65	01/01/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
17	Nguyễn Quốc Khương	1985		Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.03	3,00	01/3/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
18	Phạm Tấn Nhã	1971		Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
19	Đỗ Tấn Khang	1983		Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/12/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
20	Huỳnh Xuân Phong	1981		Trường DH Cần Thơ	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
21	Nguyễn Văn Hương	1975		Trường DH SP Kỹ thuật Hưng Yên	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
22	Nguyễn Duy Chính	1979		Trường DH SP Kỹ thuật Hưng Yên	PGS.TS	V.07.01.03	4,32	01/10/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
23	Thân Văn Thế	1985		Trường DH SP Kỹ thuật Hưng Yên	PGS.TS	V.07.01.03	3,33	01/6/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
24	Nguyễn Minh Tiến	1986		Trường DH SP Kỹ thuật Hưng Yên	PGS.TS	V.07.01.03	3,66	01/11/2022	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
25	Nguyễn Thị Diệu Chi		1983	Trường DH Kinh tế quốc dân	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
26	Đoàn Thanh Nga		1981	Trường DH Kinh tế quốc dân	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
27	Nguyễn Công Thành	1978		Trường DH Kinh tế quốc dân	PGS.TS	V.07.01.03	4,32	01/6/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
28	Nguyễn Đình Toàn	1975		Trường DH Kinh tế quốc dân	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
29	Nguyễn Thị Cẩm Vân	1980		Trường DH Kinh tế quốc dân	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
30	Vũ Ngọc Xuân	1979		Trường DH Kinh tế quốc dân	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
31	Phạm Hùng Cường	1982		Trường DH Ngoại Thương	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
32	Nguyễn Hải Ninh	1980		Trường DH Ngoại Thương	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/02/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm

4

TT	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan, đơn vị	Học hàm, học vị	Mã số chức danh nghề nghiệp, mức lương cũ			Mã số chức danh nghề nghiệp, hệ số lương mới			
		Nam	Nữ			Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời gian tính nâng bậc lương lần sau	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời điểm tính hưởng	Thời gian tính nâng bậc lương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
33	Kim Hương Trang		1984	Trường ĐH Ngoại Thương	PGS.TS	V.07.01.03	3,99	01/3/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
34	Nguyễn Trần Hưng	1980		Trường ĐH Thương mại	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
35	Dương Văn Đoàn	1986		Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.03	3,99	01/7/2022	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
36	Vũ Ngọc Kiên	1983		Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/02/2022	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
37	Đỗ Thị Trinh		1977	Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/7/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
38	Vũ Thị Hồng Hạnh		1979	Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
39	Lê Thị Thu Hương		1981	Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
40	Nguyễn Thị Hiền		1980	Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/2/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
41	Kiều Quốc Lập	1982		Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,40	01/2/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
42	Văn Hữu Tập	1978		Đại học Thái Nguyên	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/4/2020	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
43	La Việt Hồng	1984		Trường ĐH SP Hà Nội	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	01/04/2022	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm
44	Nguyễn Văn Quang	1983		Trường ĐH SP Hà Nội	PGS.TS	V.07.01.02	4,74	10/04/2021	V.07.01.01	6,20	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm

Danh sách này có 44 người

18

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION

confers

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

IN EDUCATION

Upon: Mr (Ms) *Tran Thi Kim Hou*

Born on: *26-05-1978*

Given under the seal of
Hanoi National University of Education
on 21 January 2020

Serial number: A 000045

Reference number: 698

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

cấp

BẰNG TIẾN SĨ
KHOA HỌC GIÁO DỤC

Cho:

Trần Thị Kim Hoa

Sinh ngày:

26-05-1978

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **A 000045**

GS.TS. Nguyễn Văn Minh

Số vào sổ cấp bằng: 698

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR GENERAL OF
THE VIETNAM INSTITUTE OF EDUCATIONAL SCIENCES

confers

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

in EDUCATIONAL SCIENCES

(Theory and History of Education)

Upon: (Mr, Ms) Ms. *Nguyen Thi Thu Hang*

Born on: 04/12/1982

Given under the seal of

The Vietnam Institute of Educational Sciences

on 25th June 2014

Serial number: 003105

Reference number: 064

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Cấp

BẰNG TIẾN SĨ

KHOA HỌC GIÁO DỤC
(Lý luận và lịch sử giáo dục)

Cho:

bà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Sinh ngày:

04/12/1982

Hà Nội , ngày 25 tháng 6 năm 2014

VIỆN TRƯỞNG



GS.TS. Phan Văn Kha



Số hiệu: **003105**

Số vào sổ cấp bằng: **064**